

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2022/DS-ST

Ngày 15- 4 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Ông Duyên Văn Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Văn Bổng – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lại Thị D, sinh năm 1971 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Giao Vàm, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lại Thị D trình bày:* Bà làm chủ hội ở địa phương.

- Vào ngày 10/8/2018, bà có mở dây hội loại hội 500.000 đồng, hội này có 40 chung, mỗi tháng khai 02 kỳ. Bà Trần Thị T tham gia 02 chung, bà T hót chung thứ nhất vào ngày 25/11/2018, được số tiền 13.420.000 đồng; hót chung thứ 2 vào ngày 10/01/2019 được số tiền 12.830.000 đồng. Hội mãi vào ngày 10/4/2020. Bà T đóng hội chết cho tôi đến ngày 25/11/2019 được 35 kỳ, sau đó ngưng đóng, còn

lại 05 kỳ hui chết số tiền còn lại của 02 chung hui chết là 5.000.000 đồng. Có trả được 500.000 đồng, còn lại 4.500.000 đồng.

- Vào ngày 19/9/2018, loại hui 500.000 đồng, hui có 32 chung, bà T tham gia 01 chung, hót ngày 19/8/2019, được số tiền 10.900.000 đồng. Hui mãi vào ngày 19/4/2021, bà T đóng đến ngày 19/12/2020 được 27 kỳ. còn nợ bà 9 kỳ với số tiền 4.500.000 đồng đến nay không đóng.

Tổng 03 chung hui bà T còn nợ bà 9.000.000 đồng.

Sau đó bà có yêu cầu đến chính quyền địa phương giải quyết. Tại biên bản hòa giải cơ sở ngày 10/3/2021, bà T thừa nhận có nợ số tiền 9.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả. Sau đó có trả được 1.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng đến nay không trả.

Nay bà yêu cầu bà Trần Thị T trả cho bà số tiền 8.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn bà Trần Thị T đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- *Về thẩm quyền:* Do bị đơn bà Trần Thị T có nơi cư trú tại ấp Giao Vàm, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền hui, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ cho bà Trần Thị T nhưng bà T đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt bà T theo quy định. Bà T không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Theo bà D trình bày, bà có mở 02 dây hui, bà T tham gia 03 chung hui trong 02 dây hui do bà làm chủ. Hui loại 500.000 đồng mở ngày 10/8/2018, mỗi tháng khai 02 kỳ, bà T hót hết 02 chung, có đóng hui chết cho

bà còn nợ lại 02 chung số tiền 4.500.000 đồng hụi mẫn vào ngày 10/4/2020. Hụi loại 500.000 đồng mở ngày 19/9/2018, mỗi tháng khui 01 kỳ, bà T tham gia 01 chung, hốt vào ngày 19/8/2019, sau khi hốt hụi bà T đã đóng hụi chết đến nay còn lại 09 kỳ không đóng, số tiền 4.500.000 đồng, hụi mầu vào ngày 19/4/2021. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch hụi nên bà khởi kiện yêu cầu bà T trả.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T trả cho bà, số tiền 8.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà D có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi viên của 02 dây hụi nêu trên, sổ theo dõi đóng hụi hàng tháng, biên bản hòa giải cơ sở ngày 10/3/2021.

Xét, các bên giao dịch hụi giữa bà D với bà Trần Thị T là thực tế có xảy ra. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng đã nhận giấy mời của Tòa án và đã biết việc bà Lại Thị D khởi kiện đòi số tiền trên nhưng không có ý kiến gì phản hồi. Do đó, căn cứ vào danh sách hụi viên, sổ theo dõi đóng hụi hàng tháng và biên bản hòa giải cơ sở là có cơ sở làm căn cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền mà nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, Điều 95, Điều 98, Điều 99 khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 196, Điều 205, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phượng và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị T trả cho bà Lại Thị D, số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

*Kể từ ngày bà Lại Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị T không thi hành xong khoản tiền trên, bà Trần Thị T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.*

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*); bà Lại Thị D không phải chịu án phí. Ngày 16/02/2022 bà D có dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004400 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**